

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN S
TỈNH T**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 126/2022/HS-ST
Ngày 15-12-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S, TỈNH T

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Việt C.**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Trần Hữu L.**

2. Ông **Ma Quốc T.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Bùi Trần Thị Minh H** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh T tham gia phiên tòa:
Bà **Lương Thị Thu P** – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 127/2022/TLST-HS ngày 15 tháng 11 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 130/2022/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 12 năm 2022 đối với:

Bị cáo: TRƯƠNG VĂN B - Sinh ngày: 11-10-1996 tại huyện S, tỉnh T.

Nơi cư trú: Thôn NP, xã TT, huyện S, tỉnh T; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 10/12; Dân tộc: Sán đìu; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Đảng phái, đoàn thể: Không; Con ông: Trương Văn L – Sinh năm: 1975; Con bà: Lôi Thị Tường – Sinh năm: 1975; Vợ, con: Không.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Tốt.

Bị cáo Trương Văn B đang được tại ngoại theo Quyết định áp dụng biện pháp ngăn chặn số: 84/2022/HSST ngày 21 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh T. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Bà **Nguyễn Thị N** – Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh T. Có mặt.

Bị hại: Doanh nghiệp tư nhân Đức T T; Địa chỉ: Thôn Thác Nóng, xã Sơn Nam, huyện S, tỉnh T. **Người đại diện theo pháp luật:** Ông **Nguyễn Văn T** – Chức vụ: Giám đốc. **Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn T:** Anh **Nguyễn Văn H** - Sinh năm: 1991; Địa chỉ: Thôn Đồng Chùa, xã TT, huyện S, tỉnh T. Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Bà **Nông Thị H2** - Sinh năm: 1977; Địa chỉ; Thôn CT, xã TT, huyện S, tỉnh T. Vắng mặt.

- Ông **Trương Văn L** - Sinh năm: 1975; Địa chỉ: Thôn NP, xã TT, huyện S, tỉnh T. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ ngày 07-7-2022, bị cáo Trương Văn B điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Wave BKS 22S1-241.68 của ông Trương Văn L (bố của bị cáo B) đi từ nhà đến mỏ đá của Doanh nghiệp tư nhân Đức T T thuộc thôn Tân T, xã TT, huyện S, tỉnh T nhằm mục đích tìm tài sản sơ hở để trộm cắp. Bị cáo B điều khiển xe đến khu vực dãy nhà cấp 4 của mỏ đá, quan sát thấy tại đây có rất nhiều cánh cửa ra vào; cửa sổ của các phòng trong dãy nhà làm bằng kim loại không có người trông coi, quản lý. Bị cáo B lấy 01 cánh cửa sắt, dài khoảng 02m, rộng khoảng 60cm và 01 đoạn dây điện lõi nhôm, dài khoảng 15m cho lên yên xe mô tô chở đến điểm thu mua sắt vụn của bà Nông Thị H2 bán với giá 130.000đ. Khi bán, bị cáo B nói với bà H2 cánh cửa và cuộn dây điện là của nhà bị cáo B. Số tiền trên, bị cáo B đã chi tiêu cá nhân hết. Khoảng 19 giờ cùng ngày, bị cáo B quay lại mỏ đá của Doanh nghiệp tư nhân Đức T T, tiếp tục lấy 01 cánh cửa sắt, dài khoảng 02m, rộng 60 cm và 02 cánh cửa sắt dài khoảng 1,3m, rộng 50cm cho lên yên xe, chuẩn bị rời đi thì bị bảo vệ của Doanh nghiệp là anh Nguyễn Văn H phát hiện và giữ lại. Sự việc sau đó được anh H trình báo đến Công an xã TT, huyện S, tỉnh T.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 40/KL-HĐĐGTSTTHS ngày 26-7-2022 của Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự kết luận: 02 cánh cửa bằng kim loại, mỗi cánh có chiều dài 02m, chiều rộng 0,6m, tổng khối lượng 38kg và 02 cánh cửa bằng kim loại, mỗi cánh có chiều dài 1,3m, chiều rộng 0,5m, tổng khối lượng 26kg; 15m dây điện vỏ nhựa màu đen, lõi bằng kim loại có đường kính 01cm tính đến thời điểm tháng 7-2022, tổng trị giá 2.512.500đ (*Hai triệu năm trăm mười hai nghìn năm trăm đồng*).

Tại cáo trạng số: 125/CT-VKS ngày 15 tháng 11 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh T quyết định truy tố đối với bị cáo Trương Văn B về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh T thực hành quyền công tố, có quan điểm giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Trương Văn B. Đưa ra chứng cứ đánh giá mức độ hành vi phạm tội và thái độ thành khẩn khai báo của bị cáo cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh T đề nghị với HĐXX:

Về tội danh: Tuyên bị cáo Trương Văn B phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Trương Văn

B từ 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời hạn thử thách từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng. Giao bị cáo Trương Văn B về Ủy ban nhân dân xã TT, huyện S, tỉnh T nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Doanh nghiệp tư nhân Đức T T; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Nông Thị H2 không yêu cầu bị cáo Trương Văn B bồi thường về phần trách nhiệm dân sự nên không đề nghị HĐXX xem xét, giải quyết.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Trả lại cho người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Trương Văn L tài sản đã bị tạm giữ nhưng không phải là vật chứng của vụ án:

01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu sơn đỏ - đen, BKS 22S1 – 241.68 (xe cũ, đã qua sử dụng).

Về án phí và quyền kháng cáo: Theo quy định của pháp luật.

Phần tranh luận tại phiên tòa:

Người bào chữa cho bị cáo Trương Văn B có quan điểm nhất trí quan điểm truy tố và xét xử đối với bị cáo Trương Văn B về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Bị cáo Trương Văn B chưa có tiền án, tiền sự, có nhân thân tốt, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đề nghị HĐXX áp dụng các tình tiết giảm nhẹ hình phạt được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo Trương Văn B mức hình phạt thấp nhất của khung hình phạt. Nhất trí với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về phần trách nhiệm dân sự, vật chứng và án phí.

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm đã trình bày. Đề nghị HĐXX giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Trương Văn B nhất trí với quan điểm của người bào chữa cho bị cáo và đại diện Viện kiểm sát đưa ra tại phiên tòa.

Quyền của bị cáo được nói lời sau cùng: Bị cáo Trương Văn B đã nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về trách nhiệm hình sự: Tại phiên tòa, bị cáo Trương Văn B đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời nhận tội của bị cáo Trương Văn B khai phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án; phù hợp với B bản khám nghiệm hiện trường, kết luận định giá tài sản, vật chứng thu giữ cùng với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa.

Như vậy đã có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 18 giờ ngày 07/7/2022, tại mô đá Đức T của Doanh nghiệp tư nhân Đức T T thuộc thôn Tân T, xã TT, huyện S, tỉnh T, Trương Văn B có hành vi trộm cắp 02 cánh cửa ra vào bằng kim loại, 02 cánh cửa sổ bằng kim loại, 01 cuộn dây điện dài 15 mét, tổng giá trị tài sản trộm cắp là 2.512.500 đồng (*Hai triệu năm trăm mười hai nghìn năm trăm đồng*).

Hội đồng xét xử đã có đủ căn cứ để kết luận bị cáo Trương Văn B phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự như Viện kiểm sát truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa ngày hôm nay, bị cáo Trương Văn B thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng do vậy bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ hình phạt khi lượng hình theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[3] Các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Trương Văn B không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về hình phạt bổ sung: HĐXX xét thấy bị cáo Trương Văn B làm nghề lao động tự do, thu nhập không ổn định, không có tài sản riêng có giá trị nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[5] Tính chất và mức độ của hành vi phạm tội: Xét thấy hành vi phạm tội của bị cáo Trương Văn B là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế hộ gia đình, làm mất trật tự an ninh xã hội, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân tại địa phương nói riêng và xã hội nói chung. Hội đồng xét xử thấy rằng cần lên một mức án nghiêm minh, phù hợp với tính chất, mức độ, hậu quả mà bị cáo đã gây ra để làm bài học cho bị cáo tu dưỡng, rèn luyện trở thành công dân có ích cho xã hội, góp phần đảm bảo an ninh trật tự cũng như phòng ngừa tội phạm trong gia đình, cộng đồng và xã hội.

Bị cáo Trương Văn B có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, địa chỉ cư trú rõ ràng; có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do vậy, HĐXX nhận thấy không cần dùng biện pháp cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà cho bị cáo hưởng án treo theo khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự và Điều 2 Nghị quyết số: 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15-5-2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao “Hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự về án treo” là phù hợp và thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Bị cáo Trương Văn B có nhiều tình tiết giảm nhẹ, xét về tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi bị cáo đã gây ra. HĐXX xét thấy, đề nghị của Người bào chữa cho bị cáo có căn cứ và phù hợp với khung hình phạt Viện kiểm sát đề nghị. Do vậy, HĐXX chấp nhận quan điểm của Người bào chữa về phần hình phạt.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị hại Doanh nghiệp tư nhân Đức T T; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến

vụ án bà Nông Thị H2 không yêu cầu bị cáo Trương Văn B bồi thường về phần trách nhiệm dân sự nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[7] Về vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện S, tỉnh T tạm giữ: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu sơn đỏ - đen, BKS 22S1 – 241.68; 02 cánh cửa ra vào bằng kim loại, mỗi cánh có chiều dài 02m, chiều rộng 0,6m; 02 cánh cửa sổ bằng kim loại, mỗi cánh có chiều dài 1,3m, chiều rộng 0,5m; 01 cuộn dây điện dài 15m, vỏ bằng nhựa màu đen, lõi bằng kim loại có đường kính 01cm.

- Qua kết quả xác minh, xác định được Doanh nghiệp tư nhân Đức T T là chủ sở hữu hợp pháp của 02 cánh cửa ra vào bằng kim loại, mỗi cánh có chiều dài 02m, chiều rộng 0,6m; 02 cánh cửa sổ bằng kim loại, mỗi cánh có chiều dài 1,3m, chiều rộng 0,5m; 01 cuộn dây điện dài 15m, vỏ bằng nhựa màu đen, lõi bằng kim loại có đường kính 01cm. Ngày 18-10-2022, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện S, tỉnh T đã trả lại toàn bộ tài sản nói trên cho Doanh nghiệp tư nhân Đức T T. Doanh nghiệp tư nhân Đức T T đã nhận lại toàn bộ tài sản bị trộm cắp và không có ý kiến gì nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

- Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu sơn đỏ - đen, BKS 22S1 – 241.68. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Trương Văn B và ông Trương Văn L đều trình bày, ông L không biết việc bị cáo B sử dụng chiếc xe mô tô để làm pH2 tiện di chuyển đi trộm cắp tài sản. HĐXX xét thấy, tuy bị cáo B có sử dụng chiếc xe mô tô để làm pH2 tiện di chuyển đi trộm cắp tài sản, nhưng bị cáo không nói cho ông L biết việc dùng xe mô tô để đi bị cáo đi trộm cắp tài sản và ông L cũng không biết mục đích sử dụng chiếc xe của bị cáo. Do vậy, chiếc xe mô tô BKS 22S1 – 241.68 không phải là vật chứng của vụ án và cần trả lại cho ông Trương Văn L là chủ sở hữu hợp pháp của chiếc xe mô tô.

Trả lại cho người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Trương Văn L tài sản đã bị tạm giữ nhưng không phải là vật chứng của vụ án:

01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu sơn đỏ - đen, BKS 22S1 – 241.68 (xe cũ, đã qua sử dụng).

Theo quy định tại Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

[7] Về án phí: Buộc bị cáo Trương Văn B phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm theo quy định khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 21, khoản 1 Điều 23 theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 “quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.

[8] Quyền kháng cáo: Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

[9] Về hành vi tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, HĐXX nhận thấy Cơ quan điều tra; Điều tra viên; Viện kiểm sát; Kiểm sát viên đã thực hiện hành vi, quyết định tố tụng về khởi tố vụ án, khởi tố bị can, áp dụng biện pháp ngăn chặn, ra quyết định truy tố; thu thập chứng cứ tài liệu, vật chứng đã khách quan, phù hợp với quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc KH nại về hành vi, quyết định của Cơ

quan T hành tố tụng. Do vậy các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan T hành tố tụng, người T hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[10] Các vấn đề khác:

Đối với bà Nông Thị H2, khi mua tài sản do bị cáo B bán không biết đó là tài sản do trộm cắp mà có nên không đề cập xử lý.

Đối với ông Trương Văn L, không biết việc bị cáo B điều khiển xe mô tô đi trộm cắp tài sản nên không có căn cứ xử lý.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự..

Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Điều 21, khoản 1 Điều 23 theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 “Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.

Về tội danh và hình phạt:

Tuyên bố bị cáo Trương Văn B phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Xử phạt bị cáo Trương Văn B **06 (sáu)** tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là **01 (một)** năm, tính từ ngày tuyên án (ngày 15-12-2022).

Giao bị cáo Trương Văn B về Ủy ban nhân dân xã TT, huyện S, tỉnh T nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa pH2 trong việc giám sát, giáo dục người đó. Trường hợp người được hưởng án treo vắng mặt tại nơi cư trú, thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 68 Luật Thi hành án hình sự năm 2019. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố tình vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về vật chứng: *Trả lại cho người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Trương Văn L tài sản đã bị tạm giữ nhưng không phải là vật chứng của vụ án:*

01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA, số loại WAVE, màu sơn đỏ đen, biển số đăng ký 22S1 – 241.68, số máy HC09E5272929, số khung 09097Y172844; tình trạng xe cũ, đã qua sử dụng.

(Theo B bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 17-11-2022 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện S, tỉnh T và Chi cục Thi hành án dân sự huyện S, tỉnh T).

Về án phí: Buộc bị cáo Trương Văn B phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo:

Bị cáo Trương Văn B; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Trương Văn L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 15-12-2022).

Bị hại Doanh nghiệp tư nhân Đức T T; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Nông Thị H2 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- VKSND huyện S;
- VKSND tỉnh T;
- Công an huyện S;
- Tòa án nhân dân tỉnh T;
- Sở tư pháp tỉnh T;
- Chi cục THADS huyện S;
- Lưu hs, hstha, vp.

T-M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Việt C